

ỦY BAN DÂN TỘC
Số: **02**/2022/TT-UBDT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày **30** tháng 6 năm 2022

THÔNG TƯ

Hướng dẫn thực hiện một số dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025

Căn cứ Nghị định số 13/2017/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ủy ban Dân tộc;

Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia (sau đây viết tắt là Nghị định số 27/2022/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 39/2021/QĐ-TTg ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 (sau đây viết tắt là Quyết định số 39/2021/QĐ-TTg);

Thực hiện Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14 tháng 10 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030; giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 (sau đây viết tắt là Quyết định số 1719/QĐ-TTg);

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Chính sách Dân tộc;

Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc ban hành Thông tư hướng dẫn thực hiện một số dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 (sau đây viết tắt là Chương trình).

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này hướng dẫn thực hiện Dự án 1; Dự án 2; Nội dung số 01, Nội dung số 03 thuộc Tiểu dự án 2 của Dự án 3; Nội dung số 01 thuộc Tiểu dự án 1 và Tiểu dự án 2 (trừ nhiệm vụ do Bộ Giáo dục và Đào tạo, Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang chủ trì, thực hiện) của Dự án 4; Tiểu dự án 2, Tiểu dự án 4 của Dự án 5; Dự án 9; Nội dung số 01 và Nội dung số 02 (trừ nhiệm vụ do Bộ Thông tin và Truyền thông chủ trì, thực hiện) thuộc Tiểu dự án 1 của Dự án 10; Tiểu dự án 2 của Dự án 10 (trừ nhiệm vụ do Bộ Thông tin và Truyền thông, Liên minh Hợp tác xã Việt Nam chủ trì, thực hiện) thuộc Chương trình theo Quyết định số 1719/QĐ-TTg.

2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với các xã, thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (sau đây viết tắt là DTTS&MN); hộ gia đình, cá nhân người dân tộc thiểu số; hộ gia đình, cá nhân người dân tộc Kinh thuộc diện hộ nghèo, cận nghèo sinh sống ở xã, thôn đặc biệt khó khăn (sau đây viết tắt là ĐBK); doanh nghiệp, hợp tác xã (sau đây viết tắt là HTX), liên hiệp hợp tác xã, các tổ chức kinh tế, xã hội hoạt động ở địa bàn các xã, thôn ĐBK và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan tham gia thực hiện Chương trình.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Ngoài các từ ngữ được quy định tại Điều 3 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP, trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Hộ dân tộc thiểu số là hộ có chủ hộ hoặc có vợ, chồng của chủ hộ là người đồng bào dân tộc thiểu số theo quy định của pháp luật.

2. Hộ nghèo, hộ cận nghèo được xác định theo chuẩn hộ nghèo, hộ cận nghèo quy định tại Nghị định số 07/2021/NĐ-CP ngày 27/01/2021 của Chính phủ quy định chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022 - 2025.

3. Thiên tai được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 1 Luật số 60/2020/QH14 Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật phòng, chống thiên tai và Luật đê điều.

4. Nhà ở bị dột nát, hư hỏng là loại nhà tạm, nhà dột nát theo quy định của Bộ Xây dựng về hướng dẫn thực hiện tiêu chí về nhà ở nông thôn.